

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin
- Bà Trần Thị Đồi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Phòng Văn T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2018 chị và anh Phòng Văn T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/8/2018.

Cuộc sống chung của vợ chồng không phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Chị và anh T đã ly thân từ tháng

9/2024 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Phòng Gia B, sinh ngày 24/5/2019, hiện đang sống với anh T. Để thuận tiện cho việc đi học của cháu B nên sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia B, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh T không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 14/3/2025 bị đơn anh Phòng Văn T trình bày:

Chị Võ Thị Ngọc M yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Có 01 con chung tên Phòng G. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, hiện anh đang làm công nhân lương tháng 7.000.000đồng đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng. Về chia tài sản: Không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Vì anh bận đi làm, khó xin nghỉ nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt anh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng anh T xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phòng Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Phòng Văn T và nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M vắng mặt nhưng xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị M.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị M xin ly hôn với anh T, thấy rằng: Chị M và anh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/5/2018 (Giấy đăng ký số 134/HT2018) nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Theo chị M, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được, chị và anh T đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Chị M yêu cầu ly hôn, anh T cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị M. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[3.2] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của chị M và anh T, cùng các chứng cứ do chị M cung cấp thì chị M và anh T có một con chung tên Phòng Gia B, sinh ngày 24/5/2019. Sau khi ly hôn, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị M cũng đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu B đang sống với anh T, cuộc sống đã ổn định, khả năng anh T có thể chăm sóc con chung tốt. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung nên giao cháu B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có bên nào tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc M về việc “Ly hôn” với anh Phòng Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Ngọc M ly hôn với anh Phòng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phòng Gia B, sinh ngày 24/5/2019 cho anh P Văn Tình được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P Văn Tình không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị Võ Thị Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014975 ngày 12/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Chị Võ Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng